

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2024/DS-ST

Ngày 02 – 4 – 2024

V/v tranh chấp hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim

Ông Đào Việt Khái

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 607/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2024, về việc “Tranh chấp hội” giữa:

Nguyên đơn: Ông Trịnh Ngọc V, sinh năm: 1964 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Quảng Phú, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Th, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: Ấp Cái Đồi, xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo Giấy ủy quyền ngày 29/01/2024 (Có mặt).

Bị đơn: Bà Trịnh Thị Ng, sinh năm: 1969 (Vắng mặt).

Ông Đỗ Văn Th, sinh năm: 1965 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Ba Tiệm, xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/12/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị Th trình bày:

Ông Trịnh Ngọc V có chơi hội do ông Đỗ Văn Th, bà Trịnh Thị Ng làm chủ và đứng ra tổ chức thu tiền hội viên. Trong quá trình tham gia chơi hội, ông Th, bà Ng tuyên bố bẻ hội và còn nợ ông V số tiền của các dây hội, cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: Khai ngày 05/5/2014 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần vào ngày 05 hàng tháng, hội gồm 29 chung, tiền huê hồng

hội là 500.000 đồng, ông V tham gia 01 chung, hội chưa mãn. Ông V đóng hội đầy đủ cho ông Th, bà Ng đến ngày 05/8/2015 âm lịch kỳ thứ 15 thì ông Th, bà Ng tuyên bố ngừng hội và hai bên kết nợ bằng miệng, ông Th, bà Ng còn nợ ông V số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Dây hội thứ hai: Khai ngày 20/7/2014 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, gồm 32 chung, tiền huê hồng hội là 500.000 đồng, ông V tham gia 01 chung, hội chưa mãn. Ông V đóng hội đầy đủ cho ông Th, bà Ng đến ngày 05/8/2015 âm lịch kỳ thứ 13 thì ông Th, bà Ng tuyên bố ngừng hội và hai bên kết nợ bằng miệng, ông Th, bà Ng còn nợ ông V số tiền 14.000.000 đồng.

Nay ông V yêu cầu Tòa án buộc ông Th, bà Ng thanh toán cho ông V số tiền nợ hội là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*). Ngoài ra ông V không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu cụ thể như sau:

Dây hội khai ngày 05/5/2014 do nhầm lẫn trong khâu tính toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng). Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 15.000.000 đồng trừ tiền còn 500.000 đồng, còn lại là 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Dây hội khai ngày 20/7/2014 do nhầm lẫn trong khâu tính toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng). Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 13.000.000 đồng trừ tiền còn 500.000 đồng, còn lại là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

Tổng cộng hai dây hội là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng).

Đối với ông Đỗ Văn Th, bà Trịnh Thị Ng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định phân công thẩm phán, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhiều lần nhưng ông Th, bà Ng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Đồng thời, không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp hội, ông Đỗ Văn Th, bà Trịnh Thị Ng là bị đơn, có nơi cư trú tại Ấp Ba Tiêm, xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Đỗ Văn Th, bà Trịnh Thị Ng được Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành

xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Ông V chỉ yêu cầu ông Đỗ Văn Th, bà Trịnh Thị Ng thanh toán số tiền hui còn thiếu của hai dây hui là 27.000.000đồng (Hai mươi bảy triệu đồng), ngoài ra không yêu cầu gì thêm. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện và là quyền tự định đoạt của đương sự, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu có lợi cho các bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung tranh chấp của vụ án: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định vợ chồng ông Đỗ Văn Th, bà Trịnh Thị Ng còn nợ nguyên đơn số tiền 27.000.000 đồng, đây là tổng số tiền của 02 dây hui khác nhau.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Việc thỏa thuận tổ chức chơi hui giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không trái pháp luật. Khi ông Đỗ Văn Th, bà Trịnh Thị Ng tổ chức chơi hui, mời các hui viên cùng nhau góp vốn có lập danh sách hui viên tuy không đăng ký, không được công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nhưng theo lời trình bày của nguyên đơn và những người biết sự việc là hui viên đã tham gia chơi hui do ông Th, bà Ng làm chủ được thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau: Việc các đương sự giao dịch hui thực tế có xảy ra, quá trình chơi hui ông Đỗ Văn Th, bà Trịnh Thị Ng là người đứng ra tổ chức chơi hui (chủ hui), khi không còn khả năng thanh toán tiền cho các hui viên dẫn đến tuyên bố bế hui, dừng tất cả các hoạt động liên quan đến hui nhưng ông Th, bà Ng không cùng với các hui viên kết nợ, tìm cách giải quyết số tiền còn nợ cho các hui viên mà lại bỏ địa phương đi đến nay không về địa phương. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án các bị đơn không đến Tòa cũng không gửi ý kiến để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, không cung cấp chứng cứ chứng minh. Chính vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án hoàn toàn phù hợp.

Với phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần buộc các bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền hui là 27.000.000đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) là phù hợp.

[5] Trong số tiền hui nguyên đơn yêu cầu có phần lãi hui nhưng nguyên đơn, không đặt ra yêu cầu điều chỉnh. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không nhớ chính xác số tiền bỏ hui của từng lần bỏ thăm để được hót hui nên Hội đồng xét xử không xem xét việc điều chỉnh.

[6] Về thời gian và phương thức thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Thiện, bà Ngân thanh toán một lần tiền hui còn thiếu. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án này.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nguyên đơn không phải chịu, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;